

GIAO KHOÁN RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH BÌNH PHƯỚC THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Trần Thị Thu Hà¹

TÓM TẮT

Giao khoán rừng và đất lâm nghiệp là một chính sách đúng đắn nhằm mục tiêu phát triển lâm nghiệp và góp phần xoá đói giảm nghèo đã được thực hiện ở Việt Nam gần 20 năm qua. Tuy nhiên hiện nay nhiều vấn đề nảy sinh từ thực tế trong quá trình thực hiện giao khoán rừng và đất lâm nghiệp, đòi hỏi phải có những sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với đặc thù sản xuất lâm nghiệp của từng vùng trong thời kỳ mới. Nghiên cứu này thực hiện tại tỉnh Bình Phước với mục tiêu tìm hiểu thực trạng giao khoán rừng và đất lâm nghiệp, trên cơ sở đó phát hiện những bất cập giữa chính sách và thực tiễn để đưa ra các đề xuất nhằm sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh chính sách giao khoán rừng và đất lâm nghiệp cho phù hợp. Kết quả nghiên cứu đã bước đầu gợi mở ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và quan tâm giải quyết nhằm hoàn thiện chính sách giao, cho thuê đất lâm nghiệp và khoán rừng trên phạm vi vùng miền Đông Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung. Điểm mấu chốt của những sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện được nêu ra là chính sách giao, cho thuê đất lâm nghiệp và khoán rừng phải được xây dựng trên cơ sở tình hình cụ thể của từng địa phương và vùng. Đặc biệt cần chú trọng đến tính chất và đặc điểm của từng loại đất và rừng để có quy hoạch sử dụng hợp lý đồng thời có chính sách và phương án quản lý thích hợp.

Từ khoá: *Bình Phước, Đông Nam Bộ, giao đất lâm nghiệp, giao khoán rừng và đất lâm nghiệp.*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày 04 tháng 01 năm 1995, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 01/CP về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp Nhà nước. Nội dung của nghị định là đưa ra các quy định về thực hiện giao khoán đất trong các doanh nghiệp Nhà nước bao gồm nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh, công ty, xí nghiệp, trung tâm, trạm, trại trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Trong lâm nghiệp đây là một chính sách lớn nhằm mục tiêu ổn định đời sống cho đội ngũ lao động trong các lâm trường quốc doanh và người dân sống trên địa bàn gần rừng để tiếp tục phát triển sản xuất lâm nghiệp trong thời kỳ kinh tế thị trường. Tuy nhiên, sau gần 20 năm triển khai thực hiện, chính sách giao khoán rừng và đất lâm nghiệp trước đây đã không còn phù hợp. Nhiều vấn đề nảy sinh từ thực tế trong quá trình thực hiện giao khoán rừng và đất lâm nghiệp đòi hỏi phải có những sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với đặc thù sản xuất lâm nghiệp của từng vùng trong thời kỳ mới.

Bình Phước là tỉnh miền núi nằm ở phía Tây vùng Đông Nam Bộ, đóng vai trò quan trọng đối với việc bảo vệ an ninh quốc gia, phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường của toàn vùng cũng như vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Việc thực hiện chính sách giao khoán rừng và đất lâm nghiệp ở Bình Phước nói riêng và vùng Đông Nam Bộ nói chung có những điểm khác biệt so với các vùng khác do tính chất cạnh tranh trong sử dụng của cây cao su, một loài cây có giá trị kinh tế rất cao so với cây lâm nghiệp. Mục tiêu của nghiên cứu là trên cơ sở tìm hiểu thực trạng giao khoán rừng và đất lâm nghiệp theo Nghị định 01/CP và Nghị định 135/2005/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Bình Phước, phát hiện những bất cập giữa chính sách và thực tiễn từ đó đưa ra các đề xuất nhằm sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh chính sách giao khoán rừng và đất lâm nghiệp cho phù hợp. Kết quả của nghiên cứu sẽ đóng góp vào việc hoạch định và sửa đổi chính sách giao, cho thuê đất lâm nghiệp và khoán rừng ở nước ta trong thời gian tới.

¹TS. Trường Đại học Lâm nghiệp

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu thực hiện trên đối tượng rừng và đất lâm nghiệp giao khoán theo Nghị định 01/CP và Nghị định 135/2005/NĐ-CP của Chính phủ và các quyết định có liên quan của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về giao khoán rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Nội dung nghiên cứu bao gồm: (1) kết quả thực hiện giao khoán rừng và đất lâm nghiệp tính đến thời điểm hết năm 2011; (2) những bất cập giữa chính sách và thực tiễn thực hiện giao khoán rừng và đất lâm nghiệp; (3) các đề xuất sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh chính sách giao, cho thuê, khoán rừng và đất lâm nghiệp.

Nghiên cứu được thực hiện trong đợt điều tra khảo sát thực địa được tiến hành trong thời gian 02 tuần, vào tháng 8 năm 2012 tại các huyện Đồng Phú, Bù Đăng và Bù Gia Mập của tỉnh Bình Phước. Các phương pháp thu thập số liệu: (1) thu thập tài liệu thứ cấp bao gồm các báo cáo của các sở, ban, ngành chức năng của tỉnh Bình Phước; (2) phỏng vấn bán định hướng các cán bộ thuộc sở và phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở cấp tỉnh và cấp huyện, cán bộ các ban quản lý rừng và người dân địa phương có nhận khoán; (3) thảo luận nhóm trọng tâm với các nhóm hộ nhận khoán bảo vệ rừng. Nội dung phỏng vấn và thảo luận dựa trên danh mục các vấn đề cần tìm hiểu theo nội dung nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. Kết quả giao khoán rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Trước hết cần phân biệt hai quá trình giao đất lâm nghiệp và giao khoán rừng và đất lâm nghiệp. *Giao đất lâm nghiệp* là quá trình được

thực hiện theo Nghị định 02/CP của Chính phủ ngày 15 tháng 01 năm 1994 về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp, trong đó các đối tượng được giao đất (chủ rừng) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất. Giao khoán rừng và đất lâm nghiệp là quá trình các chủ rừng thực hiện giao khoán theo Nghị định 01/CP của Chính phủ ngày 04 tháng 01 năm 1995 cho các hộ gia đình và cá nhân thực hiện việc trông, chăm sóc, bảo vệ rừng trên diện tích rừng và đất lâm nghiệp được nhà nước giao cho các chủ rừng. Ngày 8 tháng 11 năm 2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 135/2005/NĐ-CP về việc giao khoán đất nông nghiệp, rừng sản xuất và mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông trường, lâm trường quốc doanh nhằm thay thế Nghị định 01/CP. Có thể coi giao đất lâm nghiệp là tiền đề cho giao khoán rừng và đất lâm nghiệp.

Theo nguồn số liệu từ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (2010), toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp của Bình Phước đã được giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) cho các chủ rừng (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Phước, 2012). Kết quả giao đất lâm nghiệp của tỉnh Bình Phước cho thấy các đối tượng được giao rừng chủ yếu vẫn là các BQL rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng kinh tế và các công ty cao su. Các đối tượng khác gồm doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình và hợp tác xã chỉ được giao với tỷ trọng rất nhỏ trên tổng diện tích đất lâm nghiệp (Bảng 01).

Như vậy, việc giao khoán rừng và đất lâm nghiệp của Bình Phước sẽ do các chủ rừng được giao và cấp GCNQSD đất lâm nghiệp là

BQL rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng kinh tế và các công ty cao su thực hiện đối với các hộ gia đình và cá nhân ở địa phương. Một trong những đặc thù của Bình Phước là sau thực hiện rà soát và đổi mới lâm trường quốc doanh là trên địa bàn tỉnh không còn loại hình sản xuất kinh doanh này, thay vào đó là các

BQL rừng kinh tế. Phần lớn diện tích rừng sản xuất đã được giao cho các BQL rừng kinh tế và các công ty cao su. Một phần được trả về cho địa phương để giao cho hộ gia đình và phần còn lại được giao cho các BQL rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.

Bảng 01. Kết quả giao đất lâm nghiệp cho các chủ rừng tỉnh Bình Phước

| Chủ rừng | Diện tích được giao và cấp GCNQSD (ha) | Tỷ trọng (%) |
|-----------------------------------|---|---------------------|
| BQL rừng đặc dụng | 31.282 | 17,46 |
| BQL rừng phòng hộ và rừng kinh tế | 74.564 | 41,62 |
| Công ty cao su | 69.305 | 38,69 |
| Doanh nghiệp tư nhân | 3.392 | 1,89 |
| Hợp tác xã | 445 | 0,25 |
| Hộ gia đình | 158 | 0,09 |
| TỔNG | 181.543 | 100 |

(Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước, 2010)

Bình Phước là một trong những tỉnh đi đầu trong thực hiện giao khoán đất lâm nghiệp từ khi còn chưa tách từ tỉnh Sông Bé. Trước khi có Nghị định 01/CP của Chính phủ, UBND tỉnh Sông Bé đã có Quyết định số 4539/QĐUB thực hiện khoán đất lâm nghiệp cho 01 tổ chức và 28 hộ gia đình với diện tích gần 664 ha. Bình Phước cũng là tỉnh có các quyết định áp dụng thực hiện ngay sau khi có các Nghị định của chính phủ (01/CP và 135/2005/NĐ-CP) về giao khoán rừng và đất lâm nghiệp.

Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bình Phước (2012) từ năm 1994 đến hết năm 2011, các đơn vị chủ rừng đã tiến hành giao khoán 24.657,72 ha đất lâm nghiệp và rừng sản xuất cho 4.428 hộ gia đình và 53 tổ chức với 02 hình thức khoán ổn định lâu dài và khoán theo công đoạn. Tính tại thời

điểm cuối năm 2011, tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp giao khoán là 36.153,33 ha, trong đó giao khoán quản lý bảo vệ rừng là 26.194,7 ha, giao khoán đất lâm nghiệp là 9.958,63 ha. Như vậy diện tích giao khoán chỉ chiếm 20,18 % trên tổng diện tích do các đơn vị chủ rừng như các BQL rừng và các công ty cao su hiện đang quản lý. Nguyên nhân là do các đơn vị chủ rừng (nhất là các BQL rừng kinh tế, rừng phòng hộ) không muốn thực hiện giao khoán cho hộ gia đình và cá nhân do lo ngại tình trạng phá rừng để trồng cao su. Tuy nhiên các đơn vị chủ rừng này không thể không chế được tình trạng lấn chiếm đất lâm nghiệp để trồng cao su của người dân. Tình trạng người dân địa phương xâm canh và bao chiếm đất lâm nghiệp đã được giao cho các đơn vị chủ rừng diễn ra khá phổ biến ở Bình Phước.

Bảng 02. Phân loại theo cơ sở pháp lý của giao khoán rừng và đất lâm nghiệp tỉnh Bình Phước tại thời điểm năm 2011

| Cơ sở pháp lý của giao khoán rừng và đất lâm nghiệp | Đối tượng nhận khoán | | | |
|---|----------------------|------------------|--------------|-----------------|
| | Tổ chức | | Hộ gia đình | |
| | Số lượng | Diện tích(ha) | Số lượng | Diện tích (ha) |
| Giao khoán theo Quyết định 4539/QĐUB của UBND tỉnh Sông Bé | 01 | 109,32 | 28 | 554,62 |
| Giao khoán theo Nghị định số 01/CP của Chính phủ và Quyết định 1119/QĐ-UB của UBND tỉnh Bình Phước | 28 | 26.271,72 | 935 | 4.439,94 |
| Giao khoán theo Nghị định 135/2005/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 21/QĐ-UB của UBND tỉnh Bình Phước | | | 574 | 2.519,33 |
| Giao khoán cho các đối tượng không nằm trong phạm vi điều chỉnh của Nghị định 135/2005/NĐ-CP và Quyết định số 21/QĐ-UB. | 15 | 2.284,52 | 02 | 83,52 |
| TỔNG | 44 | 28.556,24 | 1.539 | 7.597,09 |

(Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bình Phước, 2012)

Về loài cây trồng trên đất lâm nghiệp, hiện tại trên địa bàn Bình Phước, hầu hết diện tích rừng sản xuất đều trồng cao su, cá biệt có những BQL rừng phòng hộ nhưng toàn bộ diện tích rừng trồng là cây cao su. Thực tế này đã xuất hiện ở Bình Phước từ trước nhưng chuyển đổi rất nhanh sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ra Công văn số 209/BNN-LN về việc chuyển diện tích đất có rừng sang trồng cao su và Quyết định số 2855/QĐ-BNN-KHCN về việc công bố cây cao su là cây đa mục đích. Ngay sau khi có các Quyết định nêu trên, tỉnh Bình Phước đã có Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 12 tháng 05 năm 2009 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt phương án Quy hoạch trồng cây cao su và cây nguyên liệu trên đất lâm nghiệp giai đoạn 2008-2012 của tỉnh Bình Phước và Quyết định số 1879/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước ngày 11 tháng 08 năm 2010 về việc quy hoạch bổ sung diện tích trồng cao su và cây nguyên liệu trên đất lâm nghiệp giai đoạn 2008-2020 của tỉnh Bình Phước (Sở Nông nghiệp và Phát

triển Nông Thôn tỉnh Bình Phước, 2011).

Việc thực hiện chính sách giao khoán rừng và đất lâm nghiệp ở Bình Phước trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Hầu hết hồ sơ giao khoán đều có đầy đủ các giấy tờ cần thiết như đơn xin nhận khoán, hợp đồng, bản đồ giao khoán, sơ đồ giao khoán, biên nhận giao đất ngoài thực địa. Nhìn chung các hợp đồng khoán đã thực hiện đúng diện tích, đối tượng, hạn mức giao khoán theo các quy định tại thời điểm giao khoán. Chính sách này cũng đã huy động được nguồn vốn, lao động của bên nhận khoán, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tạo nguồn nguyên liệu ổn định cho ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản phát triển. Đặc biệt việc thực hiện chính sách đã góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) về khả năng tiếp cận và ổn định trong sử dụng đất, đảm bảo cho các tổ chức, hộ gia đình nhận khoán ổn định tâm lý, yên tâm đầu tư phát triển sản xuất. Giao khoán rừng và đất lâm nghiệp ở

Bình Phước đã góp phần sử dụng hiệu quả tiềm năng về đất đai, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần xoá đói giảm nghèo và ổn định trật tự an toàn xã hội.

2. Những bất cập trong thực hiện chính sách giao khoán rừng và đất lâm nghiệp

Bên cạnh những tác động tích cực của giao khoán đất lâm nghiệp, trong những năm gần đây trên địa bàn tỉnh xuất hiện nhiều vụ khiếu kiện liên quan đến công tác giao khoán đất nông lâm nghiệp, trong đó có nhiều vụ khiếu kiện tập thể kéo dài, gây ảnh hưởng đến tình hình chính trị, trật tự, an toàn xã hội (Ban chỉ đạo bảo vệ rừng tỉnh Bình Phước, 2012). Nhiều bất cập nảy sinh trên thực tế đặc biệt là đối với đối tượng giao khoán trồng rừng trên đất rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Nghiên cứu sẽ đi sâu phân tích những tồn tại và bất cập sau đây khi thực hiện chính sách giao khoán rừng và đất lâm nghiệp ở Bình Phước:

- Đa số các trường hợp giao khoán đất lâm nghiệp là hồ sơ hợp thức hoá diện tích đất xâm canh của các hộ gia đình chứ không phải thực sự là giao khoán theo phương án (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Phước, 2012). Trên diện tích đất này người dân đã trồng các loài cây công nghiệp có giá trị cao như cao su, điều. Chính vì vậy việc chuyển sang trồng rừng trên diện tích này theo quy hoạch là gần như không thể thực hiện được.

- Các hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp chủ yếu trồng cây đa mục đích (cao su, điều, cây ăn quả), không có hợp đồng khoán trồng cây lâm nghiệp. Điều này ảnh hưởng đến chức năng phòng hộ của rừng khi mà phần lớn diện tích đất rừng sản xuất và một phần diện tích rừng phòng hộ của Bình Phước đều trồng cao su hoặc điều. Hiện tại có hai luồng ý kiến từ phía lãnh đạo ngành lâm nghiệp của tỉnh: (1)

một khi cây cao su đã được coi là cây đa mục đích thì khi được trồng trên đất lâm nghiệp phải được coi là cây lâm nghiệp và diện tích này phải được tính trong độ che phủ của rừng. Điều này sẽ làm nâng cao giá trị và vị thế của ngành lâm nghiệp, đồng thời giúp giải quyết sức ép mất rừng; (2) không thể coi cây cao su là cây rừng vì chức năng phòng hộ của cao su rất kém. Nếu cho phép cây cao su được trồng trên đất lâm nghiệp thì Bình Phước nói riêng và vùng Đông Nam Bộ nói chung sẽ mất hết rừng do chuyển sang trồng cao su. Còn nếu muốn trồng cao su trên đất lâm nghiệp thì phải chuyển diện tích này sang diện tích đất nông nghiệp.

- Đa số các trường hợp giao khoán trồng rừng là khoán trắng và không thể giải quyết khi xảy ra vi phạm hợp đồng (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Phước, 2012). Các bên nhận khoán tự bỏ vốn để trồng, chăm sóc, bảo vệ và hưởng lợi trong khi chủ rừng thực sự là các đơn vị giao khoán lại không được hưởng lợi ích gì. Điều này dẫn đến thực trạng là chủ rừng thực ra chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Một số đơn vị chủ rừng lúng túng trong công tác xử lý khi xảy ra vi phạm hợp đồng, không kịp thời thanh lý hợp đồng, không phát huy được vai trò của đơn vị chủ rừng trong công tác quản lý, phát triển rừng. Một số đơn vị chủ rừng không triển khai ký lại hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng với các hợp đồng giao khoán đã kết thúc một chu kỳ. Nguyên nhân chính vẫn là do hợp đồng giao khoán không có tính pháp lý chặt chẽ, chủ rừng trên thực tế không có đủ quyền lực và cơ sở pháp lý để xử lý vi phạm.

- Thị trường chuyển nhượng hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp diễn biến rất phức tạp, vượt ra ngoài khả năng kiểm soát của các đơn vị giao khoán. Nhiều tổ chức, hộ gia đình tự ý

chuyển nhượng thành quả lao động và hợp đồng khoán nhưng đơn vị giao khoán không nắm bắt được, thậm chí chuyển nhượng tới 2,3 lần mà đơn vị giao khoán không hề hay biết.

- Chi trả tiền công quản lý bảo vệ rừng đặc dụng quá thấp (Chi cục kiểm lâm tỉnh Bình Phước, 2011). Số tiền chi trả cho các nhóm hộ hiện đang áp dụng ở mức 200.000 đồng/ha/năm là quá thấp dẫn đến khó khăn cho người dân nhận quản lý bảo vệ rừng, trong khi các quy định về hưởng lợi theo Quyết định 178/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp trên thực tế là không thể thực hiện được (Trường Đại học Lâm nghiệp, 2006).

3. Các đề xuất nhằm sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh chính sách giao, cho thuê đất lâm nghiệp và khoán rừng

Kết quả nghiên cứu về kết quả và thực trạng công tác giao khoán rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã bước đầu gợi mở ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và quan tâm giải quyết nhằm hoàn thiện chính sách giao, cho thuê đất lâm nghiệp và khoán rừng trên phạm vi cả nước nói chung và vùng miền Đông Nam Bộ nói riêng:

Một là, nên xem xét lại sự cần thiết của chính sách giao khoán đất rừng sản xuất. Trên thực tế khoán rừng là một hình thức tổ chức sản xuất của các chủ rừng áp dụng trong điều kiện nguồn nhân lực hiện có không thể đảm nhiệm được nhiệm vụ sản xuất. Vì vậy cần coi hợp đồng khoán đất rừng sản xuất là một hợp đồng kinh tế mà bên giao khoán và bên nhận khoán phải có trách nhiệm và nghĩa vụ như nhau trong việc thực hiện hợp đồng. Việc tổ chức sản xuất trên diện tích rừng sản xuất đã được nhà nước giao là trách nhiệm của chủ

rừng và việc chủ rừng lựa chọn hình thức tổ chức sản xuất nào, với đối tượng nào phải do chủ rừng quyết định trên cơ sở thoả thuận và cùng có lợi. Về tên gọi nên sử dụng thuật ngữ “Hợp đồng trồng rừng” hoặc “Hợp đồng sử dụng đất lâm nghiệp”.

Hai là, khẳng định sự cần thiết của chính sách giao khoán quản lý bảo vệ rừng đặc dụng và phòng hộ rất xung yếu với quan điểm là nhất thiết phải do nhà nước quản lý và đầu tư thích đáng. Chính sách giao khoán quản lý bảo vệ rừng đặc dụng và phòng hộ rất xung yếu phải đặt mục tiêu bảo vệ được rừng và nâng cao đời sống của người nhận khoán. Để làm được điều này một số vấn đề cần chú ý: (1) vai trò của cộng đồng tham gia vào quản lý, bảo vệ rừng; (2) xây dựng quỹ bảo vệ và phát triển rừng để có nguồn thu cho các hoạt động bảo vệ rừng thông qua việc mở rộng các đối tượng đóng góp bắt buộc; (3) tìm kiếm các đảm bảo tài chính khác cho công tác bảo vệ rừng đặc dụng như chi trả dịch vụ môi trường rừng, phát triển thị trường cacbon.

Ba là, các chính sách giao khoán rừng phòng hộ (xung yếu và ít xung yếu) cần đảm bảo hài hoà lợi ích môi trường và kinh tế cho cả chủ rừng và các đối tượng nhận khoán. Quan điểm của người dân ở các vùng mà đoàn công tác khảo sát cho thấy hầu hết nguyện vọng của họ là được phép trồng cao su để cải thiện cuộc sống, tăng thu nhập, trong đó nếu là rừng sản xuất thì trồng cao su toàn bộ, còn rừng phòng hộ và đặc dụng thì được trồng xen theo băng. Đây có thể là một đề xuất có ý nghĩa thực tiễn và cần tiếp tục có các nghiên cứu tìm kiếm các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao chức năng phòng hộ của cây cao su.

Bốn là, các biện pháp xử lý đất lấn chiếm trước khi thực hiện giao khoán cần phải mềm dẻo và tôn trọng lợi ích của người dân thì mới

có hiệu quả và tránh được bức xúc xã hội. Thực tế ở Bình Phước, rất nhiều trường hợp thực hiện thu hồi đất lấn chiếm nhưng không giải quyết nhu cầu cần đất để sản xuất của người dân dẫn đến khiếu kiện kéo dài, bất ổn xã hội ở những vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nhiều trường hợp đã cưỡng chế đến lần thứ 3, thứ 4 nhưng vẫn không thực hiện được, đất đai tiếp tục nằm trong diện tranh chấp và không thể sử dụng, gây lãng phí rất lớn.

Năm là, nghiên cứu phương án định giá rừng đơn giản và thực tế để các địa phương có thể thực hiện cho thuê đất rừng sản xuất tại những vùng mà đất rừng có tính cạnh tranh cao trong sử dụng như đất lâm nghiệp ở Bình Phước nói riêng và vùng Đông Nam Bộ nói chung. Theo đó đất rừng sản xuất của vùng Đông Nam Bộ nên áp dụng cho thuê theo chu kỳ sản xuất và có áp dụng chính sách miễn giảm tiền thuê đất cho các đối tượng khác nhau. Muốn làm được như vậy cần phải rà soát lại diện tích đất lâm nghiệp đã giao cho các đơn vị của nhà nước để giao lại cho địa phương quản lý và thực hiện cho thuê đất cho các đối tượng như hộ gia đình và cá nhân.

Sáu là, các chính sách về giao, cho thuê và khoán phải tính đến biến động của thị trường chuyển nhượng quyền sử dụng đất cũng như hợp đồng giao khoán và cho thuê. Trên thực tế nhu cầu chuyển nhượng và tích tụ tập trung đất đai là tất yếu và dù chính sách có cho phép hay không thì nó vẫn diễn ra. Vì vậy các chính sách cần thông thoáng và thủ tục chuyển nhượng đơn giản để các chủ thể tham gia vào quá trình này có thể dễ dàng thực hiện và tuân thủ. Điều này vừa giúp các cơ quan chức năng quản lý được rừng và đất lâm nghiệp, vừa tạo được nguồn thu cho ngân sách từ tiền đóng thuế của các chủ thể tham gia chuyển nhượng.

Bảy là, cần có sự phối hợp tác chặt chẽ giữa

các ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và ngành Tài nguyên và Môi trường của tỉnh trong việc thực hiện giao, cho thuê đất lâm nghiệp theo quy hoạch với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các trường hợp tranh chấp giữa người dân với các BQL rừng ở Bình Phước hầu hết là do lỗi của hai ngành chức năng này khi không có sự phối hợp chặt chẽ. Việc giải quyết sai sót do chính quyền gây ra nhất định phải theo quan điểm chính quyền sai thì phải sửa và quan tâm đến lợi ích của người dân trước tiên.

IV. KẾT LUẬN

Giao khoán rừng và đất lâm nghiệp là một chính sách của Nhà nước với mục tiêu phát triển lâm nghiệp và góp phần tạo công ăn việc làm, ổn định đời sống và xoá đói giảm nghèo cho người dân sống dựa vào rừng. Thực tế thực hiện chính sách giao khoán rừng và đất lâm nghiệp ở Bình Phước đã đặt ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp. Trong phạm vi của nghiên cứu chúng tôi đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện, bổ sung, sửa đổi chính sách giao, cho thuê đất lâm nghiệp và khoán rừng để chính sách này thực sự phát huy hiệu quả và đáp ứng được mục tiêu đặt ra. Điểm mấu chốt của những sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện được nêu ra là chính sách giao, cho thuê đất lâm nghiệp và khoán rừng phải được xây dựng trên cơ sở tình hình cụ thể của từng địa phương và vùng. Đặc biệt cần chú trọng đến tính chất và đặc điểm của từng loại đất và rừng để có quy hoạch sử dụng hợp lý đồng thời có chính sách và phương án quản lý thích hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo Bảo vệ rừng tỉnh Bình Phước, 2012. *Báo cáo tổng kết công tác quản lý, bảo vệ rừng năm 2011, phương hướng nhiệm vụ năm 2012*. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

2. Chi cục kiểm lâm tỉnh Bình Phước, 2011. *Báo cáo tổng kết công tác kiểm lâm năm 2011 và phương hướng nhiệm vụ năm 2012*. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Phước.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn tỉnh Bình Phước, 2011. *Báo cáo quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2012 tỉnh Bình Phước*. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Phước.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Phước, 2012. *Báo cáo tình hình giao khoán đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước*. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Phước.

5. Trường Đại học Lâm nghiệp, 2006. *Đánh giá tình hình thực hiện Quyết định 78/2001/QĐ-TTg và đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách hưởng lợi đối với cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng được giao, được thuê và nhận khoán rừng và đất rừng*. Trường Đại học Lâm nghiệp.

FOREST AND FORESTLAND CONTRACT POLICY IMPLEMENTATION IN BINH PHUOC PROVINCE - CURENT STATUS AND SOLUTIONS

Tran Thi Thu Ha

SUMMARY

Forest and forestland contract is one of the policy that has been implemented in Vietnam nearly 20 years with the purposes of promoting forestry development and contributing to hunger elimination and poverty alleviation. However, presently a number of problems have been raised from the implementation of the policy that need to be improved, supplemented and revised in order to make it more suitable to forestry characteristics of different regions. The research is conducted in Binh Phuoc province, Southeast region, aims at investigating the status of forest and forestland policy implementations and proposing for changes, supplements and revisions for improving the policy in Vietnam as whole and in the Southeast region in particular. The key proposed change is that the forest and forestland allocation, lease and contract policy must establish in accordance with specific conditions of location and region. Especially pay attention to the characteristics of different forest and forestland in order to make appropriate land use planning as well as suitable policy and management schemes.

Keywords: *Binh Phuoc, forest and Forestland Contract, forestland Allocation, Southeast region.*

Người phản biện: PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn